

Số: *712* /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017- 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 - 2020 (Đề án) với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện và nhân rộng các mô hình về bảo vệ môi trường theo hướng xã hội hóa, tập trung tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo; trên cơ sở đó, hoàn thiện chính sách về huy động nguồn lực xã hội hóa, cơ chế quản lý và vận hành mô hình sau đầu tư, đề xuất các giải pháp công nghệ phù hợp. Qua đó, đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả và bền vững tiêu chí môi trường, góp phần thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đưa ra giải pháp về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và quản lý cụ thể, phù hợp để giải quyết một số vấn đề môi trường bức xúc hiện nay tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo;

- Xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường theo hướng huy động nguồn lực và sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, các tổ chức chính trị - xã

hội, hợp tác xã trong quá trình xây dựng, quản lý, vận hành các mô hình bảo vệ môi trường;

- Hoàn thiện và đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực và quản lý, vận hành mô hình bảo vệ môi trường tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo trên cơ sở tổng kết thực tiễn thực hiện các mô hình được xây dựng trong Đề án;

- Hoàn thiện xây dựng một số công trình phúc lợi về nước uống phục vụ cho trường học và trạm y tế ở các xã đảo;

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới thông qua việc đẩy mạnh truyền thông về các mô hình bảo vệ môi trường, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác bảo vệ môi trường nông thôn.

II. NHIỆM VỤ

1. Xây dựng các mô hình đối với lĩnh vực cấp nước sạch

a) Mô hình cấp nước sạch tập trung

- Rà soát, đánh giá các mô hình cấp nước tập trung hiện có: đánh giá quy mô cấp nước, công nghệ xử lý, phân tích các thành công, hiệu quả, vướng mắc, khó khăn, bất cập; đánh giá lại phương thức quản lý, sự vận dụng, áp dụng các công cụ chính sách pháp luật hiện có trong đầu tư, huy động vốn, đất đai, thuế, trợ giá...; phân tích những hạn chế, bất cập trong áp dụng các chính sách hiện hành. Đề xuất và thực hiện các giải pháp hoàn thiện, công nghệ, phương thức quản lý và cơ chế, chính sách phù hợp để vận hành bền vững mô hình hiện có;

- Xây dựng 14 mô hình về cấp nước sạch nông thôn tập trung (tại 07 vùng kinh tế trong cả nước) để thí điểm các nội dung theo phương châm đẩy mạnh xã hội hoá với sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng, gồm: cơ chế huy động vốn đầu tư, các chính sách ưu đãi đặc thù cho vùng khó khăn, biên giới, hải đảo; phương thức quản lý trước và sau đầu tư phù hợp với sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội; lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp khi xây dựng mô hình.

b) Mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo

Xây dựng mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo (đối với những nơi chưa có mô hình). Đơn vị hưởng lợi trực tiếp quản lý, vận hành theo quy trình được chuyển giao, tự túc hoặc kêu gọi xã hội hóa kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ thiết bị lọc.

2. Xây dựng mô hình xử lý chất thải rắn quy mô liên xã

- Rà soát, đánh giá các mô hình phân loại rác thải tại nguồn; mô hình thu gom và xử lý cấp xã, huyện, tỉnh; hiệu quả các biện pháp công nghệ (chôn lấp, đốt tập trung, đốt phân tán, sản xuất phân hữu cơ, các biện pháp khác), phân tích các thành công, hiệu quả, vướng mắc, khó khăn, bất cập; đánh giá phương thức quản lý, sự vận dụng, áp dụng các công cụ chính sách pháp luật hiện có trong

đầu tư, huy động vốn, đất đai, thuế, trợ giá,... Đề xuất và thực hiện các giải pháp hoàn thiện, nâng cấp công nghệ, phương thức quản lý và cơ chế, chính sách phù hợp để vận hành có hiệu quả các mô hình hiện có;

- Xây dựng 14 mô hình mới về thu gom và xử lý chất thải rắn quy mô liên xã (tại 07 vùng kinh tế trong cả nước) để thí điểm: cơ chế huy động vốn đầu tư, các chính sách ưu đãi đặc thù cho vùng khó khăn, biên giới, hải đảo (bao gồm cả cơ cấu giá thành xử lý theo từng giải pháp công nghệ phù hợp; phân bổ nguồn lực đầu tư, quản lý, vận hành; chính sách bảo hiểm y tế hoặc hệ số độc hại cho người tham gia xử lý chất thải); phương thức quản lý trước và sau đầu tư phù hợp với sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội... và lựa chọn công nghệ xử lý tối ưu khi xây dựng mô hình.

3. Xây dựng mô hình thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật

- Rà soát, đánh giá công tác thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng hiện nay; các công nghệ hiện có để xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật; phân tích các thành công, hiệu quả, vướng mắc, khó khăn, bất cập của các mô hình thu gom và xử lý hiện có trong cả nước; đánh giá cơ chế huy động nguồn vốn để thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng tại các địa phương; đơn giá xử lý cho các loại hình công nghệ khác nhau; cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho việc thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; phân tích những hạn chế, bất cập trong áp dụng các chính sách hiện hành. Đề xuất và thực hiện các giải pháp hoàn thiện, nâng cấp công nghệ, phương thức quản lý và cơ chế, chính sách phù hợp để vận hành có hiệu quả các mô hình hiện có;

- Xây dựng 07 mô hình mới về thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng (tại 07 vùng kinh tế trong cả nước) để thí điểm: cơ chế huy động vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho việc thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật; phương thức quản lý trước và sau đầu tư phù hợp (trên cơ sở huy động sự vào cuộc của các doanh nghiệp, nông dân, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội); lựa chọn công nghệ xử lý tối ưu (cố định hoặc di động); thiết lập hệ thống quản lý, vận hành mô hình, bao gồm đơn giá xử lý cho một đơn vị khối lượng chất thải.

4. Xây dựng mô hình xử lý chất thải chăn nuôi

- Rà soát, đánh giá hiệu quả và sự phù hợp của các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi hiện có (trọng tâm là chăn nuôi lợn), như: công nghệ khí sinh học, đệm lót sinh học, phân trộn; phân tích các thành công, hiệu quả, vướng mắc, khó khăn, bất cập; đánh giá lại phương thức quản lý và những bất cập trong quản lý chất thải chăn nuôi hiện nay (khó khăn về quy chuẩn kỹ thuật môi trường liên quan đến chăn nuôi, thiếu vốn, thiếu công nghệ xử lý...). Đề xuất và thực hiện các giải pháp hoàn thiện, nâng cấp công nghệ, phương thức quản lý và cơ chế, chính sách phù hợp để vận hành có hiệu quả các mô hình hiện có, trong đó có cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ vừa tạo thị trường đầu ra

cho xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo môi trường, vừa phù hợp với định hướng thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ;

- Xây dựng thí điểm 07 mô hình mới (tại 07 vùng kinh tế trong cả nước) về thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi lợn theo hướng ép thành phân hữu cơ để bán trên thị trường, gồm: hỗ trợ công nghệ và thiết bị, máy móc, thiết bị liên quan để doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi có thể tự thu gom và ép chất thải thành phân hữu cơ; hỗ trợ giá tiêu thụ phân hữu cơ được sản xuất từ chất thải chăn nuôi; xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật và tập huấn cho người trực tiếp tham gia chăn nuôi, đồng thời hỗ trợ hướng dẫn phát triển nông nghiệp hữu cơ.

5. Xây dựng mô hình tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp xã

Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam chủ trì, lựa chọn hình thức xây dựng 30 mô hình (tại 07 vùng kinh tế trong cả nước) trên cơ sở các nội dung cơ bản sau:

- Rà soát, đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường tại khu vực nông thôn khó khăn, biên giới, hải đảo;

- Xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền và các phương tiện, thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên, hiệu quả của tuyên truyền viên;

- Hình thành đội ngũ tuyên truyền viên về bảo vệ môi trường (lựa chọn chủ yếu từ cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ hợp tác xã về môi trường, cán bộ ở Ban phát triển thôn...); tập huấn các nội dung về môi trường và tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân về tham gia bảo vệ môi trường;

- Xây dựng quy chế hoạt động cho đội ngũ tuyên truyền viên; hướng dẫn cơ chế chi trả phụ cấp cho tuyên truyền viên từ nguồn ngân sách địa phương, bao gồm cả sự nghiệp môi trường; cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Vận dụng và đề xuất thí điểm cơ chế tài chính phù hợp

- Đảm bảo thực hiện kịp thời các hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước, mở rộng biên độ và ưu tiên tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi từ ngân sách Nhà nước, đồng thời huy động đóng góp của người dân theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và đóng góp một phần các hạng mục công trình công cộng khác theo cơ chế thỏa thuận, tự nguyện, không vượt quá khả năng tài chính của người dân;

- Thực hiện quản lý nguồn vốn theo phương pháp dựa trên tiến độ kết quả đầu ra, tính giá thành nước cấp và xử lý chất thải trên cơ sở chi phí đầu tư, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các hạng mục công trình sau đầu tư, xác định tỷ lệ hỗ trợ phù hợp từ ngân sách Nhà nước và mức đóng góp phù hợp của người dân.

2. Giải pháp về đất đai

Đối với các khu vực dự kiến triển khai mô hình, các địa phương cần chủ động bố trí quỹ đất trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy hoạch được phê duyệt để xây dựng công trình, đền bù giải phóng mặt bằng để bàn giao cho chủ đầu tư triển khai thực hiện. Doanh nghiệp đầu tư được miễn tiền cho thuê đất và các chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định hiện hành.

3. Chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư

- Ưu đãi tối đa về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành; hỗ trợ các chi phí liên quan đến việc đăng ký, thẩm định và chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Tăng cường trao đổi thông tin để thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các dịch vụ môi trường. Bên cạnh cơ chế tài chính theo quy định của Đề án, khuyến khích xã hội hóa theo hình thức BT, theo đó, nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, chuyển giao công trình cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện dự án khác theo quy định.

4. Về khoa học, công nghệ

- Nâng cấp, hoàn thiện mô hình hiện có được thực hiện trên cơ sở khắc phục và nâng cấp các công nghệ hiện hành theo hướng giảm chi phí đầu tư và vận hành, kỹ thuật vận hành đơn giản, thân thiện với môi trường, ưu tiên lựa chọn các công nghệ được sản xuất trong nước;

- Xây dựng và hoàn thiện các yêu cầu tài chính, hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng, vận hành và duy trì các mô hình bảo vệ môi trường theo hình thức xã hội hóa;

- Lồng ghép việc triển khai xây dựng các mô hình trong Đề án với các đề tài nghiên cứu khoa học trong Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

5. Giải pháp về huy động hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế

- Tăng cường chia sẻ thông tin thông qua việc tổ chức đoàn tham quan và trao đổi về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án với các quốc gia, tổ chức quốc tế nhằm tìm hiểu, trao đổi kinh nghiệm, kế thừa các thành tựu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện Đề án;

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài để xây dựng mô hình phù hợp với điều kiện Việt Nam và yêu cầu của Đề án.

6. Giải pháp về phát huy vai trò, trách nhiệm của địa phương, cộng đồng trong tổ chức quản lý, vận hành

- Phát huy vai trò của doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các mô hình trên cơ sở thống nhất quy chế phối hợp, phân công trách nhiệm và cơ chế tài chính rõ ràng,

minh bạch và sự đồng thuận của các bên liên quan; khuyến khích hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, đội, nhóm bảo vệ môi trường đứng ra đảm nhận quản lý, vận hành mô hình bảo vệ môi trường sau đầu tư tại địa phương;

- Cộng đồng dân cư, các tổ chức tự quản về môi trường xây dựng quy chế, hương ước, quy ước có nội dung cụ thể, rõ ràng về bảo vệ môi trường; giám sát sử dụng các công trình của người dân địa phương; đánh giá sự hài lòng của người thụ hưởng các mô hình đã được triển khai thực hiện.

7. Tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về nước sạch và môi trường

Tăng cường trách nhiệm của cộng đồng dân cư tại địa phương tham gia giám sát các công trình bảo vệ môi trường theo phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân đối với các hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước sạch và bảo vệ môi trường tại khu vực nông thôn; kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư.

IV. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU VỐN

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án: Dự kiến khoảng 1.200 tỷ đồng, cơ cấu:

a) Ngân sách Trung ương dự kiến khoảng 400 tỷ đồng (34%), trong đó:

- Dự kiến bố trí khoảng 350 tỷ đồng (30%), từ nguồn vốn ngân sách Trung ương dự phòng chưa phân bổ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Phần kinh phí còn lại là 50 tỷ đồng (4%), dự kiến được hỗ trợ trực tiếp từ nguồn vốn ngân sách Trung ương theo chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ).

b) Ngân sách địa phương: Khoảng 90 tỷ đồng (7%), từ nguồn vốn bố trí của ngân sách địa phương cho Chương trình xây dựng nông thôn mới hàng năm; kinh phí giải phóng mặt bằng, bố trí địa bàn xây dựng mô hình thí điểm; lồng ghép từ các chương trình, dự án khác có liên quan;

c) Vốn tín dụng: khoảng 450 tỷ đồng (38%) từ nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng (bao gồm cả các khoản vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Bảo vệ môi trường...). Nhà nước tạo điều kiện bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tham gia thực hiện Đề án được tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng. Lãi suất vay vốn để thực hiện các mô hình thí điểm được ngân sách Trung ương hỗ trợ;

d) Vốn đóng góp của doanh nghiệp đầu tư thực hiện mô hình: khoảng 200 tỷ đồng (16%);

đ) Huy động sự tham gia đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư và từ các nguồn vốn vận động hỗ trợ hợp pháp của các tổ chức trong nước và quốc tế (nếu có): Khoảng 60 tỷ đồng (5%).

2. Kinh phí khảo sát, quản lý, nâng cao năng lực, kiểm tra, giám sát, và hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với các mô hình thực hiện Đề án các cấp: được trích từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các cấp được giao hàng năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Đề án được thực hiện trong giai đoạn 2017- 2020

2. Phân công tổ chức thực hiện

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan lựa chọn, thẩm định, phê duyệt các mô hình, dự án thuộc Đề án;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin để xác định số lượng các loại mô hình; hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các địa phương triển khai thực hiện Đề án theo đúng tiến độ và quy định hiện hành; hàng năm, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Đề án;

- Chủ trì tổng hợp nhu cầu vốn thực hiện các mô hình, dự án thuộc Đề án vào dự kiến phương án phân bổ hàng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định;

- Chịu trách nhiệm thẩm định công nghệ, hình thức ưu đãi, xây dựng mô hình thí điểm cho cấp nước sạch nông thôn;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng, vận hành và duy trì các mô hình bảo vệ môi trường theo hình thức xã hội hóa.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan bổ sung, hoàn thiện các quy định về môi trường phù hợp với điều kiện nông thôn; xây dựng hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới theo phân công của Trường Ban Chỉ đạo Trung ương để các địa phương căn cứ thực hiện;

- Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam ưu tiên bố trí vốn vay để thực hiện xây dựng các mô hình trong Đề án;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện Đề án theo đúng tiến độ và quy định hiện hành;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thẩm định các công nghệ xử lý nước thải, chất thải rắn để xây dựng các mô hình xử lý chất thải nông thôn;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đẩy mạnh chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn; xử phạt nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Cân đối và bố trí vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương hàng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện Đề án;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính kiểm tra, đánh giá về kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn quá trình thực hiện Đề án;

- Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện Dự án, mô hình thí điểm; phương án hỗ trợ theo chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Vận động các tổ chức quốc tế hỗ trợ nguồn lực xây dựng các mô hình trong Đề án.

d) Bộ Tài chính

- Cân đối và bố trí vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương hàng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện Đề án;

- Chủ trì xây dựng hướng dẫn cơ cấu giá, phí đối với các mô hình bảo vệ môi trường để các địa phương áp dụng thực hiện; hướng dẫn các địa phương chỉ đạo Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ưu tiên bảo lãnh doanh nghiệp vay vốn để tham gia đầu tư xây dựng các mô hình thuộc phạm vi Đề án; hướng dẫn cơ chế hỗ trợ lãi suất ưu đãi vay vốn thực hiện Đề án.

- Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn sự nghiệp của Nhà nước tham gia thực hiện Dự án, mô hình thí điểm; khả năng hỗ trợ lãi suất vay vốn từ các tổ chức tín dụng để thực hiện Dự án.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, giám sát về tài chính trong quá trình thực hiện Đề án.

đ) Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay, hỗ trợ lãi suất để xây dựng các mô hình trong Đề án.

e) Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

- Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các hộ dân được vay vốn tham gia đối ứng, đóng góp xây dựng mô hình, nhất là về nước sạch và xử lý chất thải chăn nuôi;

- Nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định nâng định mức cho vay theo hộ đối với lĩnh vực nước sạch, xử lý chất thải chăn nuôi,

nhằm góp phần giúp các hộ gia đình ở nông thôn, nhất là các hộ khó khăn có điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

g) Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia Đề án:

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất dự án xây dựng mô hình, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện;

- Bố trí mặt bằng, hạ tầng thiết yếu theo quy định để thuận lợi cho việc triển khai xây dựng mô hình; bố trí đủ ngân sách đối ứng của địa phương (theo cơ chế dự kiến trong Đề án) cho các dự án được phê duyệt và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; huy động các nguồn lực khác, nhất là vận động doanh nghiệp, để tham gia xây dựng các mô hình;

- Chỉ đạo Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của địa phương ưu tiên bảo lãnh doanh nghiệp vay vốn để tham gia đầu tư xây dựng các mô hình thuộc phạm vi Đề án;

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai xây dựng và thực hiện các mô hình trên địa bàn; đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường hiệu quả.

h) Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và Hội chữ thập đỏ Việt Nam

- Tăng cường chỉ đạo thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường ở nông thôn;

- Phối hợp tham gia xây dựng các mô hình, đồng thời chỉ đạo cấp cơ sở - nơi có xây dựng mô hình thí điểm, đứng ra đảm nhận quản lý, vận hành mô hình đảm bảo hiệu quả, thiết thực;

- Xây dựng các mô hình cụ thể được giao trong Đề án.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội Chữ thập đỏ Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, TGĐ Công TTĐT, các vụ: KTTH, KGVX, QHĐP, CN;
- Lưu: Văn thư, NN (3b).Thinh *MA*

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Đinh Huệ

Vương Đình Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 837/SY-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 6 năm 2017

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP, K19 VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT (12b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi

